

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22 – 5 – 2024

Về việc ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Quyền

2. Ông Trần Văn Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 64/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc “ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa các Đ sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị G, sinh năm 1993

ĐKTT: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở: Ấp 19, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh Đỗ Minh Đ, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị G, anh Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 11 năm 2023 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Đỗ Thị G trình bày: Chị và anh Đỗ Minh Đ tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phú Tây, huyện P, tỉnh Bạc Liêu, được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 81, quyển số 05/2011 ngày 01/7/2011.

Quá trình chung sống, chị và anh Đ tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm nên thường phát sinh mâu thuẫn. Vì vậy, chị và anh Đ đã ly thân từ tháng 4 năm 2022 (âm lịch) cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh Đ cũng không liên lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Minh Đ. Về con chung: Chị và anh Đ có hai người con chung là cháu Đỗ Linh Đ, sinh ngày 08/6/2012 và cháu Đỗ Ngọc Bảo Y, sinh ngày 25/12/2019. Từ khi ly thân, anh Đ cũng không liên lạc để thăm nom, chăm sóc hai con. Chị đã tự lo cho hai con từ khi ly thân đến nay. Nay chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục hai cháu Đỗ Linh Đ và Đỗ Ngọc Bảo Y, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Minh Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với Đ sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giải quyết cho chị Đỗ Thị G ly hôn với anh Đỗ Minh Đ. Về con chung: Giao cháu Đỗ Linh Đ, sinh ngày 08/6/2012 và cháu Đỗ Ngọc Bảo Y, sinh ngày 25/12/2019 cho chị Đỗ Thị G tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đỗ Minh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung Đ sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí, chị G phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Thị G khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Minh Đ. Khi khởi kiện, anh Đ trú tại ấp Bình Tốt, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng

xét xử giải quyết vắng mặt chị G và anh Đ là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị G và anh Đ xây dựng hôn nhân năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P theo giấy chứng nhận kết hôn số 81, quyển số 05/2011 ngày 01/7/2011 nên hôn nhân giữa chị G và anh Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét thấy, theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, theo chị G xác định trong quá trình chung sống chị và anh Đ xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, chị và anh Đ đã ly thân từ tháng 4 năm 2022 (âm lịch) cho đến nay. Trong thời gian ly thân, chị và anh Đ cũng không gặp nhau để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh Đ không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị G, như vậy anh Đ đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân này. Từ đó, cho thấy hôn nhân giữa chị G và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị G, cho chị G được ly hôn với anh Đ.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, chị G và anh Đ có 02 người con là cháu Đỗ Linh Đ, sinh ngày 08/6/2012 và cháu Đỗ Ngọc Bảo Y, sinh ngày 25/12/2019. Chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai cháu Đỗ Linh Đ và Đỗ Ngọc Bảo Y, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu nuôi con chung của chị G nhưng anh Đ không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của chị G. Xét thấy, từ khi ly thân, chị G là người trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu Đỗ Linh Đ và Đỗ Ngọc Bảo Y, chăm sóc tốt cho hai cháu, tạo điều kiện cho hai cháu phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Vì vậy, để không làm thay đổi cuộc sống ổn định và bảo đảm quyền lợi mọi mặt của cháu Đỗ Linh Đ và cháu Đỗ Ngọc Bảo Y, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị G: Giao cháu Đỗ Linh Đ, sinh ngày 08/6/2012 và cháu Đỗ Ngọc Bảo Y, sinh ngày 25/12/2019 cho chị G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Đ sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Đ sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh Đỗ Minh Đ không phải chịu án phí.

[8] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Đỗ Thị G đối với anh Đỗ Minh Đ. Cho chị Đỗ Thị G ly hôn với anh Đỗ Minh Đ.

2. Về con chung:

2.1. Giao cháu Đỗ Linh Đ, sinh ngày 08/6/2012 và cháu Đỗ Ngọc Bảo Y, sinh ngày 25/12/2019 cho chị Đỗ Thị G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hiện cháu Đỗ Linh Đ và cháu Đỗ Ngọc Bảo Y đang sống với chị Đỗ Thị G. Anh Đỗ Minh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con: Đ sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đ sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị Đỗ Thị G phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Đỗ Thị G đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0006654 ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P được chuyển thu án phí. Anh Đỗ Minh Đ không phải chịu án phí.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các Đ sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện P;
- Chi Cục THADS huyện P;
- Các Đ sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Nguyễn Hồng Đào